

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

## QUYỂN 29

### Chương 2: **KIẾN-ĐỘ SỬ**

#### Phẩm 1: **BẤT THIỆN**, Phần 5

Ba kiết này, có bao nhiêu kiết là kiến, bao nhiêu kiết chẳng phải kiến, cho đến chín mươi tám sử, có bao nhiêu sử là kiến, bao nhiêu sử chẳng phải kiến?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả phiến não đều là tánh kiến.

Hỏi: Vì sao người kia nói như thế?

Đáp: Người kia nói lời này: Sở hành mạnh mẽ là tánh kiến. Tất cả phiến não gọi là đối với tự phần là sở hành mạnh mẽ. Như thân kiến mê đắm ngã, ngã sở. Biên kiến mê đắm đoạn, thường. Tà kiến mê đắm vô sở hữu. Kiến thủ mê đắm bậc nhất. Giới thủ mê đắm tịnh, đều có sở hành mạnh mẽ. ái cũng giống như thế, đối với chỗ nhiễm vương, sở hành cũng mạnh mẽ. Giận dữ, oán ghét, ngã mạn, tự cao, ngu si, nghi do dự, sở hành cũng đều mạnh mẽ.

Vì dứt trừ ý của thuyết như thế, cũng nói phiến não có khi là tánh kiến, có khi chẳng phải tánh kiến, nên soạn luận này.

Ba kiết này có bao nhiêu kiết là tánh kiến? Bao nhiêu kiết chẳng phải tánh kiến?

Đáp: Hai kiết là tánh kiến, là thân kiến, giới thủ, một kiết chẳng phải tánh kiến, đó là nghi. Môn còn lại nói rộng như trong kinh này.

Hỏi: Vì sao gọi là kiến?

Đáp: Trong đây nên nói rộng, như kiến xứ trong năm kiến.

Ba kiết này, bao nhiêu kiết có giác, có quán? Bao nhiêu kiết không giác, có quán? Bao nhiêu kiết không giác, không quán, cho đến chín mươi tám sử, bao nhiêu sử có giác có quán? Bao nhiêu sử không giác có quán? Bao nhiêu sử không giác không quán?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Giác, quán từ cõi Dục cho đến cõi Hữu Đảnh, như phái Thí dụ giả nói. Vì sao người kia nói như thế? Vì người kia dựa vào kinh của Phật. Trong kinh Phật nói: Tâm thô là giác, tâm tế là quán. Tướng thô tế này, từ cõi Dục cho đến cõi Hữu Đảnh có thể đạt được.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Người A-tỳ-đàm nói rằng: Tướng thứ lớp của tâm tròn đủ mà có thô, tế khắp trong ba cõi. Tuy nhiên, từ cõi Dục cho đến cõi Phạm Thế là có giác, có quán.

Người nói như thế, gọi là nói ác. Các ông đã nói như thế này: Tâm thô là giác, tâm tế là quán, Tâm thô, tâm tế này, cho đến cõi Hữu Đảnh đều có thể đạt được, nhưng lại nói giác quán từ cõi Dục cho đến hiện hữu trong cõi Phạm Thế. Cho nên thuyết các ông nói là thuyết ác, chẳng phải thuyết thiện, vâng giữ điều ác, chẳng phải vâng giữ điều thiện.

Người A-tỳ-đàm nói như thế này: Thuyết của chúng ta đã nói là thuyết thiện, vâng giữ điều thiện, chẳng phải thọ trì điều ác. Vì sao? Vì chúng ta đã dùng các việc để nói về tướng thô, tế, chẳng phải dùng một việc. Như nói: Triền thô, sử tế, ở đây không nói giác thô, quán tế. Vì sao? Vì hai pháp này chẳng phải tướng giác, quán. Như nói: Sắc ấm là thô, bốn ấm là tế.

Cũng thế, tức nói giác và quán đều là pháp tế. Vì sao? Vì đồng thuộc về hành ấm. Như nói: Cõi Dục là thô, Sơ thiên là tế. Cũng thế cũng nói giác, quán là thô là tế... Vì sao? Vì Sơ thiên, cõi Dục đều có giác quán. Như nói: Địa Sơ thiên thô, địa Nhị thiên tế. Cũng thế tức nói giác, quán là thô. Vì sao? Vì trên địa Sơ thiên không còn giác quán.

Hỏi: Thuyết kia nói trên địa Sơ thiên có giác, quán, vì sao lại nói sự khác nhau của ba địa?

Đáp: Người kia nói rằng: Sơ thiên cõi Dục, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có ba thứ pháp: Thiện nhiệm ô, vô ký không ẩn một. Pháp nhiệm ô sâu xa của thiên trung gian, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, đó gọi là địa có giác, có quán. Pháp thiện, vô ký không ẩn một của thiên trung gian, đó gọi là địa không giác, có quán.

Pháp thiện, pháp vô ký không ẩn một của đệ Nhị thiên trở lên, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, đó gọi là địa không giác, không quán.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao hiểu được kinh Phật? Như kinh nói: Diệt hết giác, quán, định sinh hỷ lạc, nhập đệ Nhị thiên. Người kia đáp rằng: Diệt giác quán thiện, chẳng phải nhiệm ô.

Hỏi: Nếu vậy vì nhân việc gì để diệt giác quán thiện, chẳng phải

nhiễm ô?

Đáp: Nên trước diệt nhiễm ô về sau, lúc lìa dục, mới diệt thiện. Chỉ phái Thí dụ giả nói địa trên có giác, quán. Phải biết thuyết này là quả vô minh, quả đen tối, quả của phương tiện không siêng năng, nhưng vì có giác, quán trong Sơ thiền cõi Dục.

Vì muốn ngăn nghĩa của người khác, cho đến nói rộng, nên soạn luận này.

Ba kiết này, bao nhiêu kiết có giác, có quán? Bao nhiêu kiết không giác, có quán? Bao nhiêu kiết không giác, không quán?

Đáp: Ba kiết có ba thứ: Hoặc có giác, có quán. Hoặc không giác, có quán. Hoặc không giác, không quán.

Thế nào là có giác, có quán?

Đáp: Tại Sơ thiền cõi Dục.

Thế nào là không giác có quán?

Đáp: Người ở thiền trung gian.

Thế nào là không giác, không quán? Đáp: Người ở ba thiền và bốn định vô sắc.

Môn còn lại nói rộng như kinh này.

Hỏi: Thế nào gọi là có giác, có quán? Thế nào gọi là không giác, có quán? Thế nào gọi là không giác, không quán?

Đáp: Đi chung với giác, đi chung với quán tương ứng với giác, tương ứng với quán, cùng với giác, quán đều hiện ở trước, đó gọi là có giác có quán.

Nếu không đi chung với giác, chỉ đi chung với quán, không tương ứng với giác, chỉ tương ứng với quán, đã diệt giác và quán, đều hiện ở trước, đó gọi là không giác, có quán. Nếu không đi chung với giác quán, cũng không tương ứng với giác quán, đã diệt giác quán, đó gọi là không giác không quán.

Lại nữa, nếu có các thứ số, hoặc các thứ quán, đó gọi là có giác, có quán. Nếu có loại quán không có loại số, thì đó gọi là không giác, có quán.

Nếu không là loại số, không là loại quán, thì đó gọi là không giác, không quán.

Ba kiết này, có bao nhiêu kiết tương ứng với lạc căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với khổ căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với hỷ căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với ưu căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với xả căn? Cho đến chín mươi tám sử cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lúc pháp sinh, sinh theo thứ lớp, không sinh cùng lúc. Như, Tôn giả Phật-đà-đề-bà thuộc phái Thí dụ giả nói rằng: Khi pháp sinh, sinh theo thứ lớp, không sinh cùng một lúc. Cũng như nhiều người băng qua con đường nhỏ hẹp, theo thứ lớp mà đi, không được đi qua cùng một lúc. Nếu muốn hai người cùng đi qua, điều này khó, huống chi là nhiều người. Cũng thế tất cả pháp hữu vi mỗi mỗi đều sinh từ cùng sinh, duyên theo gì là đa số pháp sinh, sinh chung một lúc? Người A-tỳ-đàm nói rằng: Pháp hữu vi, tự có một pháp hòa hợp mà sinh, tự có nhiều pháp hòa hợp mà sinh.

Một pháp hòa hợp sinh: Vì sinh ở trong khoảng một sát-na, nên gọi là một pháp hòa hợp sinh.

Nhiều pháp hòa hợp sinh: Như mỗi pháp số, đều có một sinh, dù nhiều, nhưng không lìa nhau, gọi là nhiều pháp hòa hợp sinh.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này, là vì có thuyết nói: Nghĩa của năng lực lần lượt làm nhân cho nhau, là nghĩa tương ứng. Người kia nói lời này: Nếu pháp nhân nơi sức của nhân nơi nhau với pháp kia sinh ra là nghĩa tương ứng, như tâm do sức của tâm nên sinh, tâm tương ứng với pháp tâm sở, tâm sở do sức của tâm nên sinh. Số pháp tương ứng với tâm, số pháp do sức của số pháp nên sinh, số pháp tương ứng với số pháp tâm không do sức của số pháp mà sinh, nên tâm không tương ứng với số pháp.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói tâm tương ứng với số pháp, số pháp cũng tương ứng với số pháp, số pháp tương ứng với tâm, tâm không tương ứng với tâm nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì có thuyết nói: Tự thể tương ứng với tự thể, không tương ứng với pháp khác. Người kia nói lời này: Nghĩa tôn kính nhau là nghĩa tương ứng. Các pháp kính nhau, không gì hơn tôn kính tự thể.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói về nghĩa tương ứng với pháp khác, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì có thuyết nói: Tự thể đối với tự thể, không gọi là tương ứng, không gọi là bất tương ứng.

Không gọi là tương ứng: Vì tất cả các pháp không thể làm duyên với tự thể.

Không gọi là bất tương ứng: Nghĩa tôn kính nhau là nghĩa tương ứng. Vì sao? Vì các pháp kính nhau, không gì hơn tôn kính tự thể.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói về pháp tương ứng không xen lẫn. Cho nên, vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, muốn

hiển bày nghĩa của mình, cho đến nói rộng.

Ba kiết này, có bao nhiêu kiết tương ứng với lạc căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với khổ căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với hỷ căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với ưu căn? Bao nhiêu kiết tương ứng với xả căn.

Hỏi: Vì sao chỉ hỏi về tương ứng với thọ mà không hỏi về pháp số khác?

Đáp: Vì ý của người soạn luận muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại nữa, thọ không ngăn ngại cho sự thành tựu mà ngăn ngại cho hành hiện tiền.

Thế nào là không trở ngại cho sự thành tựu?

Như một người thành tựu năm thọ.

Thế nào là trở ngại cho hành hiện tiền? Là không có hai thọ cùng một lúc hành hiện tiền.

Lại nữa, do một thể của thọ có tướng của các căn.

Lại nữa, do thọ ở trong bánh xe duyên khởi, cũng như pháp quay của bầu xe.

Lại nữa, do thọ nhập vào tất cả các pháp.

Lại nữa, nếu không hỏi về thọ thì hỏi về cái gì?

Nếu hỏi về tám căn như mạng v.v... thì các căn kia hoàn toàn là pháp không tương ứng. Nếu hỏi về ba căn vô lậu, năm căn như tín căn v.v..., thì các căn kia hoàn toàn là thiện.

Hoặc nói rằng: sao không hỏi về ý căn? Vì ý căn nên gọi là pháp tương ứng, như vì tâm nên gọi là pháp tương ứng của tâm.

Thân kiến, giới thủ tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Sở dĩ trừ khổ căn, vì khổ căn ở địa năm thức, còn đây là ý địa. Sở dĩ không tương ứng với ưu căn, vì ưu căn là hành lo buồn, còn đây là hành vui mừng hơn hỷ. Nói chung, tương ứng với ba căn, ba căn này ở ba cõi, ở Sơ thiên, Nhị thiên cõi Dục tương ứng với hai căn là hỷ căn và xả căn. Ở đệ Tam thiên, tương ứng với hai căn là lạc căn và xả căn. Ở đệ Tứ thiên và bốn vô sắc, tương ứng với một căn là xả căn.

Cho nên, nói tóm lại là tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Nghi tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Không tương ứng với khổ căn, vì khổ căn ở địa năm thức. Nói chung là tương ứng với bốn căn.

Nghi ở ba cõi: Ở cõi Dục, tương ứng với hai căn là ưu căn và xả căn. Nếu ở Sơ thiên, Nhị thiên thì tương ứng với hai căn là hỷ căn và xả căn. Ở đệ Tam thiên tương ứng với hai căn là lạc căn, xả căn. Ở đệ Tứ thiên và bốn vô sắc tương ứng với một căn là xả căn.

Cho nên, tóm lại là tương ứng với bốn căn.

Hỏi: Vì sao nghi cõi Dục không tương ứng với hỷ căn, Sơ thiền, Nhị thiền thì tương ứng với hỷ căn?

Đáp: Nghi cõi Dục so sở hành của hỷ đều khác. Sở hành của nghi chẳng phải sở hành của hỷ.

Sở hành của hỷ chẳng phải sở hành của nghi. Vì sao? Vì nghi hiện hành lo lắng. Hỷ hiện hành vui mừng hớn hở. Vì nghĩa đồng là nghĩa tương ứng. Vì nghi không đồng, nên không tương ứng với hỷ. Sơ thiền, Nhị thiền vì đều hiện hành nổi hân hoan, hiện hành sự vui mừng hớn hở nên tương ứng.

Lại nữa, hỷ cõi Dục thô, nghi thì vi tế. Pháp thô không tương ứng với pháp tế. Vì sao? Vì nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ứng.

Hỏi: Hỷ có nghĩa thô nào?

Đáp: Đối với chúng sinh không nên khởi mà khởi. Đối với người đối diện không nên khởi mà khởi. Thế nào là đối với chúng sinh không nên khởi mà khởi? Vì tánh của chúng sinh là khổ.

Đối với người đối diện không nên khởi mà khởi là sao? Vì thấy người khác, hoặc điên đảo, hoặc đọa lạc, hoặc ngộ nhận, lẽ ra phải khởi tâm từ bi mới đúng, đằng này lại vui cười!

Ở Sơ thiền, Nhị thiền, vì đều là vi tế nên tương ứng.

Lại nữa, hỷ cõi Dục thì nhẹ, nghi thì nặng. Nhẹ, thì không tương ứng với nặng. Vì sao? Vì nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ứng. Địa Sơ thiền, Nhị thiền đều là nặng, cho nên tương ứng.

Lại nữa, hỷ cõi Dục từ pháp ngoài sinh, nghi từ pháp trong sinh. Pháp sinh từ bên ngoài không tương ứng với pháp sinh từ bên trong. Vì sao? Vì nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ứng. Sơ thiền, Nhị thiền đều từ bên trong sinh, cho nên tương ứng.

Lại nữa, hỷ cõi Dục là khách, nghi là chủ ở lâu. Khách không tương ứng với chủ ở lâu. Vì sao? Vì nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ứng. Sơ thiền, Nhị thiền đều là chủ ở lâu, cho nên tương ứng.

Lại nữa, nghi cõi Dục dù không tương ứng với hỷ căn, nhưng vẫn tương ứng với thọ khác. Hỷ cõi Sơ thiền, Nhị thiền là thọ của tánh địa. Nếu không tương ứng với hỷ căn thì đó gọi là nhóm tâm không thọ, là hoại pháp cùng dựa, là hủy hoại pháp tương ứng.

Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên nghi cõi Dục không tương ứng với hỷ căn, còn nghi của Sơ thiền, Nhị thiền tương ứng với hỷ căn.

Tham tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Vì sao? Vì hành tham là vui mừng hớn hở, còn hành ưu, khổ thì lo buồn.

Giận dữ tương ứng với ba căn, trừ hỷ căn, lạc căn. Vì sao? Vì hành giận dữ thì lo buồn, còn hành hỷ, lạc thì vui mừng hỗn hởi.

Si, dục lậu, vô minh lậu tương ứng với năm căn. Vì sao? Vì ba thứ này chung cho sáu thức thân, sở hành là vui mừng hỗn hởi, cũng hành lo buồn. Hữu lậu tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Vì sao? Vì cõi Sắc, cõi Vô sắc không có ưu khổ. Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc không có nghĩa ưu khổ, trong phần Kiên-độ Căn sẽ nói rộng.

Trừ tà kiến, nghĩa của môn khác, như kinh này nói.

Tà kiến tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn.

Nói chung là tà kiến tương ứng với bốn căn. Nhưng tà kiến ở ba cõi: Ở cõi Dục tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, lạc căn. Ở Sơ thiên, Nhị thiên, tương ứng với hai căn là hỷ căn, xả căn. Ở đệ Tam thiên tương ứng với hai căn là lạc căn, xả căn. Ở đệ Tứ thiên và định vô sắc, tương ứng với một căn là xả căn.

Hỏi: Tà kiến cõi Dục, tà kiến nào tương ứng với hỷ căn? Tà kiến nào tương ứng với ưu căn?

Đáp: Có người bản tánh không ưa bố thí, không ưa cúng tế. Về sau nếu hội hợp một chỗ với ngoại đạo tà kiến, rồi nghe nói rằng: Không có bố thí, không có cúng tế, không có nghiệp báo thiện ác. Lúc nghe lời nói ấy, tâm liền tin ưa, sinh tâm vui mừng: Việc ta đã làm là khéo. Tà kiến như thế là tương ứng với hỷ căn. Lại có người tánh ưa hành bố thí, cúng tế, về sau nếu hội hợp ở một nơi với ngoại đạo tà kiến, nghe họ nói: Không có bố thí, cúng tế, không có nghiệp báo thiện ác. Lúc nghe như thế tâm liền tin ưa sinh tâm lo nghĩ: Những gì chúng ta đã thí cho, đều là vô ích! Vì sao? Vì không có quả báo.

Tà kiến như thế là tương ứng với ưu căn.

Môn này là nói rộng Ưu-ba-đề-xá Tỳ-bà-sa.

Hỏi: Vì sao gọi là tương ứng?

Về nghĩa tương ứng, như trong Kiên-độ Tạp phần nhân tương ứng đã nói rộng.

Ba kiết này, có bao nhiêu kiết lệ thuộc cõi Dục? Bao nhiêu kiết lệ thuộc cõi Sắc? Bao nhiêu kiết lệ thuộc cõi Vô sắc?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ganh tỵ, keo kiệt ở cõi Dục, cõi Phạm thế.

Hỏi: Vì sao thuyết kia nói như thế?

Đáp: Vì thuyết kia dựa vào kinh Phật, kinh của Phật nói: Phạm Thiên vương nói với các Phạm chúng: Chúng ta đều ở chung tại đây,

không đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, nhưng ở nơi này tự có thể dẫn đến già, chết.

Người kia nói rằng: Vua Phạm vì ganh tỵ, keo kiệt, nên nói lời ấy.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói ganh tỵ, keo kiệt chỉ ở cõi Dục, nên soạn luận này.

Ba kiết, hoặc lệ thuộc cõi Dục, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, hoặc lệ thuộc cõi Vô sắc. Về nghĩa của môn này đã nói rộng như trong kinh này.

Hỏi: Vì sao gọi là lệ thuộc cõi Dục? Vì sao gọi là lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Vì ràng buộc nơi pháp cõi Dục, nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Vì ràng buộc pháp cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Như buộc con bò vào cây cọc, gọi là buộc bò vào cọc. Sự lệ thuộc các cõi kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì chân cõi Dục bị pháp cõi Dục trói buộc, nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Chân cõi Sắc, cõi Vô sắc bị pháp cõi Sắc, cõi Vô sắc trói buộc, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc. Chân gọi là phiền não, như kệ nói:

*Phật có vô lượng hạnh.*

*Không chân, ai dẫn đi?*

Như người có chân thì được đi khắp nơi tự tại. Cũng thế, người có chân phiền não thì có thể đi khắp trong sinh tử ở các đường, các loại sinh.

Lại nữa, phiền não tạo ra tướng chỗ trụ ở cõi Dục: Vì ta có tướng nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc, tạo ra tướng chỗ ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc: Vì ta có tướng, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc. Chỗ cư trú là ái. Ta có kiến này, vì ái cõi Dục làm thấm nhuần, nên kiến chấp ngã, ngã sở. Vì ái cõi Sắc, cõi Vô sắc làm thấm nhuần nên kiến chấp ngã, ngã sở.

Lại nữa, vì có thể sinh ra dục lạc cõi Dục, nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Vì có thể sinh ra dục lạc cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc. Lạc là ái, dục là kiến.

Lại nữa, vì bị pháp sinh tử cõi Dục trói buộc, nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Vì bị pháp sinh tử cõi Sắc, cõi Vô sắc trói buộc, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Lại nữa, vì bị nhiễm ô do cấu uế cõi Dục, bị chất độc hãm hại, bị



lỗi lầm tai hại, nên gọi là lệ thuộc cõi Dục. Vì bị lỗi lầm do tai hại, bị chất độc hãm hại, bị nhiễm ô do cấu uế cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên gọi là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Các kiết là cõi Dục, kiết đó ở cõi Dục chăng? có sáu thứ:

1. Là cõi (giới).
2. Là cửa đường (thú).
3. Là cửa người.
4. Là cửa nhập.
5. Là cửa lậu.
6. Là cửa tự thân.

Là cõi: Như trong đây nói các kiết là cõi Dục, kiết đó ở cõi Dục chăng? Ở đây nói pháp xứ gọi là là. Pháp cõi Dục gọi là là cõi Dục. Pháp cõi Sắc, cõi Vô sắc, gọi là là cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Là đường (thú) Như nói: Lúc pháp thí của pháp, nói rằng: Tất cả là chúng của năm đường (thú), đều là khổ sinh tử.

Là cửa người: Như Tỳ-ni nói: Là hai người ở trong tăng số, trong tăng có thể được.

Là cửa nhập: Như kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là sắc ấm? Là mười sắc nhập và là sắc trong pháp nhập.

Là cửa lậu: Như nói: Thế nào là pháp lậu, pháp hữu lậu là cửa tự thân. Như trong Kiên-độ bốn Đại nói: Thế nào là nội pháp? Đáp: Là tự thân. Ở trong sáu là đã nêu, dùng là cõi để luận, không dùng là khác.

Ở có bốn thứ:

1. Ở tự thể.
2. Ở đồ đựng.
3. Ở làm.
4. Ở nơi chốn.

Ở tự thể: Tự thể, tự tướng, tự tánh của tất cả các pháp đều ở trong tự phần.

Ở đồ đựng: Như quả ở trong đồ đựng. Như Đê-bà-đạt-đa ở trong nhà, như ở đồ đựng, ở chỗ đã làm, ở nơi chốn về nghĩa cũng giống như thế.

Trong đây, dùng cả bốn nơi để soạn luận, tùy tướng mà nói.

Hỏi: Các kiết là cõi Dục, kiết kia có ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc kiết là cõi Dục, kiết kia không ở cõi Dục, hoặc kiết ở cõi Dục, kiết kia không là cõi Dục. Hoặc kiết là cõi Dục, kiết kia cũng ở cõi Dục. Hoặc kiết không là cõi Dục, kiết kia không ở cõi Dục.

Kiết là cõi Dục, kiết kia không ở cõi Dục là sao?

Đáp: Vì bị triển ràng buộc. Ma Ba-tuần ở trên cõi trời Phạm, muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Hỏi: Ma Ba-tuần bị triển nào ràng buộc, muốn nói chuyện với Đức Như lai?

Đáp: Vì bị triển phần che lấp, muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Lại có thuyết nói: Ma Ba-tuần bị triển ganh tỵ che lấp, nên muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Lại có thuyết nói: Vì bị ràng buộc do triển keo kiệt, nên Ma Ba-tuần muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Bình luận: Nên nói như thế: Vì bị mười triển che lấp, nên khởi mỗi một triển hiện ở trước, muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Hỏi: Vì sao gọi là ma?

Đáp: Vì dứt tuệ mạng, nên gọi là ma.

Lại nữa, vì thường hành động buông lung, tự hại thân mình, nên gọi là ma.

Hỏi: Vì sao gọi là Ba-tuần?

Đáp: Vì thường có ý xấu ác, tạo tác pháp ác, gây tạo tuệ ác, nên gọi là Ba-tuần (Ba-tuần, đời Tần dịch là ác).

Tôn giả Cù-sa nói: Nên nói Ba-tuần Du. Vì sao? Vì từ Ba-tuần du sanh trong cõi kia, (Ba-tuần đời Tần dịch là Ác Du, là một nước nổi tiếng) trụ cõi trời Phạm thiên, muốn nói chuyện với Đức Như lai.

Hỏi: Ma vương ở trên Phạm thiên để làm gì?

Đáp: Kinh Phạm thiên Chư Ma là duyên gốc của luận này: Nghe nói Phật ngự tại tinh xá Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá- vệ. Bấy giờ, có một Phạm thiên, ở trên trời Phạm, sinh khởi ác kiến, nói lên rằng: Xứ này là thường, không dứt, bỏ hẳn pháp vắng lặng. Lại không có thường, chẳng dứt, bỏ hẳn pháp tịch diệt vì vượt hơn xứ này.

Lúc ấy, Đức Thế tôn biết ý nghĩ của vị Phạm thiên kia. Ví như vị tráng sĩ trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, từ rừng Kỳ-đà, Đức Như lai bỗng nhiên biến mất, hiện ra cõi Phạm thiên, cách chỗ vị Phạm thiên kia không xa, rồi đứng cạnh đó, Phạm thiên từ xa thoáng thấy Đức Như lai, liền thỉnh Phật rằng:

Lành thay bậc Đại Tiên đã khéo tới đây! Xứ này là thường, không dứt, bỏ ngoài sự vắng lặng, không còn có thường nào hơn ở đây ông hãy xả bỏ các sự khổ phiền não loạn động cõi Dục để đến chốn này. Thật là việc vui mừng, Ông hãy yên vui thường trú ở đây!

Lúc ấy, Đức Như lai bảo Phạm thiên: Xứ này chẳng phải thường, mà ông nói là thường. Xứ này chẳng phải chỗ yên vui, vắng lặng xuất

ly mà ông nói là chỗ yên vui, vắng lặng xuất ly. Ông bị vô minh che lấp, nên nói như thế. Ông nên nhớ lại Phạm chúng quá khứ đã rơi vào cõi Dục, như hoa quả rụng!

Phạm thiên lại bạch Phật: Lành thay bậc Đại Tiên! Chốn này là thường lạc, nói rộng như trên. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế.

Đức Như lai cũng với lần thứ hai, thứ ba bảo Phạm thiên: Chỗ này là vô thường, cho đến nói rộng. Do bị vô minh che lấp, ông nên nhớ lại các Phạm chúng trong quá khứ đã bị rơi vào cõi Dục, như hoa quả rụng.

Phạm thiên trong tâm nghĩ rằng: Nay Như lai khó có thể gần, khó luận bàn chung. Nhưng pháp của các Phạm ở địa lìa dục, ý chí vắng lặng không thể tranh luận với Phật về việc ấy. Lại nghĩ: Ma vương Ba-tuần thường chống đối Như lai, sẽ thể tranh biện với Phật qua ngôn luận. Khi đó, Phạm vương liền cho gọi Ba-tuần tới cõi Phạm thiên, hóa thành đất cõi Dục, rồi yên định nơi đó. Phạm vương lại bạch Phật: Đại Tiên phải biết! Chỗ này là thường, cho đến không còn có nơi nào vượt hơn.

Như lai lại bảo Phạm vương: Chỗ này là vô thường, nói rộng như trên.

Bấy giờ, Ba-tuần bạch Phật: Đại Tiên! Ông đừng trái lời Phạm vương đã nói, nên theo chỗ chỉ dẫn của ông ta mà vắng làm. Nếu ông trái lời Phạm vương thì cũng như có người, lúc thiên thần công đức vào nhà, người này đã dùng gậy xua đuổi thiên thần, nói: “Ta chẳng cần ông”! Nếu ông trái lời Phạm vương thì cũng giống như thế. Cũng như có người từ trên cao rơi xuống, nếu người ấy không dùng tay chân tự chế ngự, thì lại phải rơi xuống. Như người từ trên cây rơi xuống đất vì không nắm chắc cành cây, nên phải chịu đau khổ. Nếu bám chặt cành cây, thì chẳng bị đau đớn. Cũng thế, này Đại Tiên! Ông chớ trái ý Phạm vương, nên vắng lời vua trời đã nói.

Lại bạch Phật: Đại Tiên! Hôm nay không thấy Phạm chúng cùng chúng tôi vây quanh Phạm vương, thuận theo, không trái lời Phạm vương chẳng?

Bấy giờ, Đức Thế tôn nghĩ rằng nay ma ác đã đến gây trở ngại cho ta. Ta biết việc này rồi! Liền bảo ma: Ông chẳng phải Phạm vương, cũng chẳng phải quyến thuộc của Phạm vương!

Nói ma ác gây trở ngại cho ta, chính là thân ông. Khi đó, ma Ba-tuần nghĩ rằng: Sa-môn Cù-đàm hôm nay đã biết được những gì ta suy nghĩ, nên tâm lo sợ, sinh ý chán lìa, bèn ngồi qua một bên, cũng không thể trở lại chốn cũ. Phạm vương liền dùng sức thần túc khiến cho ma

Ba-tuần trở lại cung điện của mình.

Cho nên, kinh kia tức là duyên gốc của luận này, cũng nói về triển ràng buộc. Ở cõi Sắc qua đời, sinh trung ấm cõi Dục. Người phàm phu qua đời ở cõi Sắc, sẽ sinh cõi Dục. Trung ấm cõi Dục ở trong cõi Sắc hiện ra trước. Vì sao? Vì pháp nên như thế. Chỗ tử ấm diệt, liền sinh trung ấm, cũng như ở chỗ hạt giống vỡ ra thì sẽ nảy mầm. Tử ấm, trung ấm kia cũng giống như thế. Lúc từ tử ấm đến trung ấm, trong ba mươi sáu sử cõi Dục, nếu một sử hành ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Đó gọi kiết là cõi Dục, kiết kia không ở cõi Dục. Trong đây: Là của giới, ở nơi là trừ ở nơi tự thể, là ba nơi còn lại.

Thế nào là kiết ở cõi Dục, kiết kia không là cõi Dục? Vì bị triển ràng buộc, qua đời ở cõi Dục sinh trung ấm cõi Sắc. Phàm phu, bậc Thánh ở cõi Dục qua đời, sinh trong cõi Sắc là trung ấm cõi Sắc ở trong cõi Dục. Vì sao? Vì pháp nên như thế. Chỗ tử ấm diệt, liền sinh trung ấm, giống như chỗ hạt giống vỡ ra thì liền mọc mầm. Tử ấm, trung ấm kia cũng giống như thế. Người phàm phu, lúc từ tử ấm đến trung ấm, cõi Sắc có ba mươi một sử, nếu một sử hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. bậc Thánh lúc từ tử ấm đến trung ấm, ba sử, do tu đạo cõi Sắc dứt trừ, nếu một sử hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau, cũng kiết là cõi Sắc, cõi Vô sắc, ở lại cõi Dục, biểu hiện ở trước. Ở lại cõi Dục, không chết, không qua đời. Kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc hiện ở trước.

Ba mươi một sử của phàm phu, nếu một sử hiện ở trước, ba sử, mà Tu đạo của bậc Thánh dứt trừ, nếu một hiện ở trước.

Các thuyết như thế, đều nói do ái hành thiên, do mạn hành thiên, do kiến hành thiên, do nghi hành thiên. Đó gọi là kiết ở cõi Dục, kiết kia không là cõi Dục.

Ở nơi là ba ở nơi. Là: Là cõi.

Thế nào là kiết là cõi Dục, cũng ở cõi Dục: Bị triển ràng buộc, phàm phu, bậc Thánh qua đời ở cõi Dục, lại sinh trung ấm cõi Dục. Người phàm phu sinh trong năm đường không nghi, bậc Thánh sinh hai đường vô ngại, nếu sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong cõi người, thì người phàm phu lúc từ tử ấm đến trung ấm, có ba mươi sáu sử, nếu một sử hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Bậc Thánh từ lúc tử ấm đến trung ấm, bốn sử đã được tu đạo cõi Dục dứt trừ, nếu một sử hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Như từ tử ấm đến trung ấm, từ trung ấm đến sinh ấm, nói cũng giống như thế. Cũng kiết là cõi Dục, trụ trong cõi Dục hiện ở trước, ở cõi Dục không chết, không qua đời, khởi

kiết côi Dục hiện ở trước.

Ba mươi sáu sử của người phạm phu, nếu một sử hiện ở trước, bậc Thánh có bốn sử, do tu đạo côi Dục dứt trừ, nếu một sử hiện ở trước, gọi là kiết là côi Dục, cũng ở côi Dục.

Trong đây là côi. Ở nơi là ở bốn nơi.

Hỏi: Kiết không là côi Dục, cũng không ở côi Dục là thế nào?

Đáp: Vì bị triển ràng buộc, qua đời ở côi Sắc, sinh trong sinh ấm, trung ấm côi Sắc.

Người qua đời ở côi Sắc, sinh trong côi Sắc là bậc Thánh phạm phu. Người phạm phu cũng sinh lên trên, cũng sinh xuống dưới. Mỗi chốn đều có nhiều phần sinh. Bậc Thánh sinh lên trên, không sinh xuống dưới, mỗi chốn đều có một phần sinh. Người phạm phu lúc từ tử ấm đến trung ấm có ba mươi một sử, nếu một sử hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Ba sử do tu đạo của bậc Thánh dứt trừ, nếu một hiện ở trước sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau. Từ trung ấm đến sinh ấm, nói cũng giống như thế.

Mạng chung ở côi Sắc, sinh trong côi Vô sắc, cũng là bậc Thánh, phạm phu. Người phạm phu nơi mỗi chỗ có nhiều phần sinh. Bậc Thánh ở mỗi chỗ có một phần sinh. Người phạm phu lúc từ tử ấm đến sinh ấm, côi Vô sắc có ba mươi một sử, nếu một hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Ba sử của bậc Thánh, qua đời ở côi Vô sắc, sinh trở lại côi Vô sắc, cũng là bậc Thánh, phạm phu. Người phạm phu cũng sinh lên trên, cũng sinh xuống dưới, mỗi chỗ đều có nhiều phần sinh. Bậc Thánh sinh lên côi trên, không sinh xuống côi dưới, mỗi chỗ có một phần sinh. Người phạm phu, thời gian từ tử ấm đến sinh ấm có ba mươi một sử, nếu một sử hiện ở trước sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Ba sử của bậc Thánh, người phạm phu qua đời ở côi Vô sắc, sinh trong côi Sắc. Thời gian từ tử ấm đến trung ấm, côi Sắc có ba mươi một sử, nếu một hiện ở trước, sẽ khiến cho sự sinh nối tiếp nhau.

Cũng kiết là côi Sắc, côi Vô sắc, trụ côi Sắc hiện ở trước, trụ ở côi Sắc không chết, không qua đời, cũng là bậc Thánh, phạm phu.

Người phạm phu có ba mươi một sử hiện ở trước, bậc Thánh có ba sử hiện ở trước.

Cũng thế, đều nói là người do ái hành thiền, người do mạn hành thiền, người do kiến hành thiền, người do nghi hành thiền. Ở côi Vô sắc, không chết, không qua đời, khởi ba mươi một sử côi Vô sắc hiện ở trước, cũng là bậc Thánh, phạm phu. Người phạm phu khởi ba mươi một

sự hiện ở trước, ba sử của bậc Thánh khởi. Đó gọi là kiết không là cõi Dục, cũng không ở cõi Dục. Vì sao? Vì ở cõi Sắc, cõi Vô sắc: Là cõi. Ở nơi là bốn ở nơi.

Các kiết là cõi Sắc, cũng ở cõi Sắc chăng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp. Trường hợp đầu của bốn trường hợp trước tạo ra trường hợp thứ hai ở đây.

Trường hợp thứ hai trước, tạo ra trường hợp đầu ở đây.

Trường hợp thứ ba trước tạo ra trường hợp thứ tư ở đây.

Trường hợp thứ tư trước tạo ra trường hợp thứ ba ở đây.

Các kiết là cõi Vô sắc, cũng ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các kiết ở cõi Vô sắc, kiết kia cũng là cõi Vô sắc. Vì sao? Vì cõi Vô sắc chỉ có kiết lệ thuộc cõi Vô sắc.

Có khi nào kiết là cõi Vô sắc, không ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có, là kiết cõi Vô sắc, ở cõi Dục, cõi Sắc, hiện ở trước, không chết, không qua đời.

Kiết cõi Vô sắc hiện ở trước, cũng là bậc Thánh, phạm phu. Người phạm phu khởi ba mươi mốt sử cõi Vô sắc hiện ở trước. Ba sử của bậc Thánh như thế đều là người do ái, do mạn, do kiến, do nghi mà hành thiện. Đó gọi kiết là cõi Vô sắc. Là là là cõi không ở cõi Vô sắc. Vì sao? Vì ở cõi Dục, cõi Sắc. Ở nơi: Trừ ở nơi tự thể, là ba ở nơi còn lại. Các kiết chẳng phải cõi Dục, cũng chẳng phải ở cõi Dục? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp.

Trường hợp đầu của bốn trường hợp trước, tạo ra trường hợp thứ hai này.

Trường hợp thứ hai ở trước, tạo ra trường hợp đầu này.

Trường hợp thứ ba trước, tạo ra trường hợp thứ tư này.

Trường hợp thứ tư trước, tạo ra trường hợp thứ ba này.

Các kiết chẳng phải cõi Sắc, kiết kia cũng chẳng phải ở cõi Sắc? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp

Như nói về cõi Dục, các kiết chẳng phải cõi Vô sắc, kiết kia cũng chẳng phải ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các kiết chẳng phải cõi Vô sắc, kiết kia cũng chẳng phải ở cõi Vô sắc.

Có khi nào kiết chẳng phải ở cõi Vô sắc, kiết kia chẳng phải không là cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Các kiết chẳng phải không là cõi Vô sắc, ở cõi Dục, cõi Sắc, hiện ở trước, trụ ở cõi Dục, cõi Sắc, không chết, không qua đời, khởi kiết cõi Vô sắc hiện ở trước, vừa là phạm phu, vừa là bậc Thánh.

Người phạm phu khởi ba mươi một sử hiện ở trước, ba sử của bậc Thánh. Kiết này chẳng phải ở trong cõi Vô sắc. Vì sao? Vì ở cõi Dục, cõi Sắc. Ở nơi là ba ở nơi, trừ ở nơi tự thể. Chẳng phải không là cõi Vô sắc. Vì sao? Vì là kiết cõi Vô sắc. Là là là cõi.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia lập chẳng phải luận cứ mà soạn luận này?

Đáp: Vì ý của người soạn luận muốn thế, cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện ngôn ngữ tự tại, nên nếu người tự tại đối với ngôn luận, thì có thể dùng phi luận cứ mà soạn luận. Người không tự tại đối với ngôn luận, đối với luận cứ chánh cũng không thể làm, hướng chỉ là chẳng phải luận cứ!

Lại nữa, vì muốn sinh ý giác nơi đệ tử, nên nếu dùng phi luận cứ để soạn luận, thì sẽ sinh ý giác của đệ tử nói pháp tương. Luận này cũng có thể như thế. Đệ tử kia cũng có thể như thế.

Lại nữa, hoặc có người tạo ra phi luận cứ mà được nuôi lớn: Như trong phẩm Người đã soạn luận cứ chánh. Người kia có bốn, người kia có ba, người kia có hai, tạo ra phi luận cứ. Người kia có năm, người kia có sáu, người kia có bốn.

Do việc này, nên Tôn giả kia đã dùng phi luận cứ để soạn luận.

Đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ, nếu sắc không dứt thì sẽ bị sắc ràng buộc chẳng? Nếu bị sắc ràng buộc là do sắc không dứt dứt, cho đến thức cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Dứt trừ sắc, có dứt trừ theo thứ lớp, dứt trừ theo giới hạn, dứt trừ từng đoạn. Như pháp sư nước ngoài nói lời này: Như tâm pháp tâm sở nhiễm ô, chín thứ dứt trừ sắc cũng giống như thế.

Vì nhằm dứt bỏ ý của thuyết như thế, đồng thời cũng nói pháp tâm, tâm sở nhiễm ô, chín thứ dứt trừ sắc, pháp tâm sở hữu lậu thiện, vô ký không ẩn một đối với đạo vô ngại sau cùng, vì dứt trừ trong một lúc, nên soạn luận này.

Hỏi: Vì sao pháp tâm, tâm sở nhiễm ô, chín thứ dứt sắc, pháp tâm, tâm sở hữu lậu thiện vô ký không ẩn một, đến đạo vô ngại sau cùng, dứt trừ trong cùng lúc?

Đáp: Vì minh, vô minh thường trở ngại nhau: Minh phẩm hạ hạ dứt trừ vô minh phẩm thượng thượng. Phẩm trung hạ dứt trừ phẩm thượng trung, phẩm hạ thượng dứt trừ phẩm thượng hạ, phẩm hạ trung dứt trừ phẩm trung thượng, phẩm trung trung dứt trừ phẩm trung trung, phẩm

trung thượng dứt trừ phẩm trung hạ, phẩm thượng hạ dứt trừ phẩm hạ thượng, phẩm thượng trung dứt trừ phẩm hạ trung, phẩm thượng thượng dứt trừ phẩm hạ hạ. Sắc, hữu lậu thiện, pháp vô ký không ẩn một, không trở ngại mình và vô minh, chỉ vì mình, vô minh đều tạo ra chỗ dựa, chỗ đặt chân. Như sự sáng suốt của ngọn đèn không trở ngại với tim, dầu, bình đèn, chỉ trở ngại bóng tối, vì tim đèn, bình đựng dầu đối với sự sáng suốt của đèn tạo ra chỗ nương dựa, chỗ đặt chân.

Cũng thế, sắc hữu lậu thiện pháp vô ký không ẩn một, không trở ngại với mình, vô minh, mà còn tạo ra chỗ nương dựa, chỗ đặt chân.

Lại nữa, pháp tâm, tâm sở nhiễm ô, tùy bao nhiêu thứ dứt, không thành tựu thứ kia.

Sắc là nhiễm ô: Lúc trụ ở đạo phương tiện tức không thành tựu, đạo vô ngại sau cùng dứt trừ.

Sắc là thiện, vô ký không ẩn một (vô ký vô phú) và pháp hữu vi, vô ký không ẩn một, hữu lậu thiện khác đều được dứt trừ cùng lúc ở đạo vô ngại sau cùng.

Các pháp này mặc dù đã biết, đã dứt trừ, lia đục của ba cõi, cũng vẫn thành tựu.

Cho nên, vì ngăn nghĩa của người khác, muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, cho đến nói rộng, nên soạn luận này.

Đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ, sắc ái chưa dứt trừ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì tránh việc gì, nên nói kiến đế đầy đủ? Vì chế ngự việc gì mà nói là đệ tử Đức Thế tôn?

Đáp: Kiến đế đầy đủ, vì tránh người Kiên tín, Kiên pháp. Đệ tử Đức Thế tôn vì chế ngự kẻ phạm phu ngu tiểu.

Hỏi: Vì sao người Kiên tín, Kiên pháp không gọi là kiến đế đầy đủ?

Đáp: Nếu kiến đầy đủ bốn chân đế, thì dứt hẳn tà kiến, đó gọi là kiến đế đầy đủ.

Người Kiên tín, Kiên pháp kiến đế chưa đầy đủ, nhưng sẽ đầy đủ, chưa dứt trừ hẳn tà kiến, nhưng sẽ dứt trừ hẳn.

Lại nữa, nếu trong thân không có bốn thứ vô minh ngu tối, có bốn thứ trí, thì gọi là kiến đế đầy đủ. Người Kiên tín, Kiên pháp chưa trừ bỏ bốn thứ vô minh ngu tối, chưa đủ bốn thứ trí.

Lại nữa, nếu phá trừ bốn thứ lưới nghi do dự, sinh bốn thứ quyết định, là đã kiến đế đầy đủ. Người Kiên tín, Kiên pháp chưa dứt trừ bốn thứ lưới nghi do dự, cũng chưa có đủ bốn thứ quyết định.



Lại nữa, nếu trong thân không có tà kiến điên đảo, phiền não dày đặc như sương mù và các hành vi ác, thì được gọi là kiến đế đầy đủ. Người Kiên tín, Kiên pháp không có việc này, nên không gọi là kiến đế đầy đủ. Cũng như lúa mạ không có các sương mù, mưa đá làm hư hoại gọi là đầy đủ. Pháp kia cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu hàng được phục phượng, chốn của bốn đế, nên gọi là kiến đế đầy đủ. Người Kiên tín, Kiên pháp vì chưa thể hàng phục được phượng chốn của bốn đế, nên gọi là không đầy đủ.

Hỏi: Vì sao người phàm phu không được gọi là đệ tử Đức Thế tôn?

Đáp: Nếu nghe lời Phật giảng nói, đối với Tam bảo, bốn đế, tâm không có khác. Phàm phu thì không như vậy: Hoặc tin lời Phật nói, hoặc tin lời của ngoại đạo.

Lại nữa, nếu không thờ vị trời khác, chỉ thờ Phật, thì đó gọi là đệ tử Đức Thế tôn. Người phàm phu hoặc thờ Phật, hoặc thờ trời Tự Tại v.v...

Lại nữa, nếu có niềm tin bất hoại đối với Phật, thì gọi là đệ tử Đức Thế tôn. Người phàm phu vì không có niềm tin bất hoại đối với Phật, nên không được gọi là đệ tử Đức Thế tôn.

Lại nữa, nếu đối với pháp Phật, tâm không dời đổi, lay động, giống như cồng thành thì gọi là đệ tử Đức Thế tôn. Phàm phu khinh xuất, xao động cũng như hoa của cây.

Lại nữa, nếu đã được nghe, không bị hủy hoại do nghe điều tà, thì gọi là đệ tử Đức Thế tôn.

Phàm phu nếu đã được nghe, thường bị nghe pháp bất chánh làm hư hoại.

Hỏi: Trong đây, ai là đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ?

Đáp: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đã kiến đế đầy đủ, là những vị đệ tử Đức Thế tôn.

Nếu sắc không dứt trừ, bị sắc trói buộc. Nếu sắc đã dứt trừ, thì liền được giải thoát. Nếu đã giải thoát, thì dứt trừ. Nếu trước dứt trừ sắc, sau được giải thoát thì không có việc này.

Tâm pháp tâm sở nhiễm ô, hoặc có trường hợp trước dứt trừ, sau được giải thoát, hoặc có trường hợp đều cùng dứt trừ và được giải thoát.

Tâm nhiễm ô có chín thứ: Từ phẩm hạ hạ cho đến phẩm thượng thượng. Tám thứ trước, thì trước dứt trừ, sau được giải thoát. Một thứ sau vừa dứt, vừa được giải thoát. Nếu dứt trừ tám thứ còn lại của phẩm

thượng thượng có duyên ràng buộc, cho đến loại thứ tám, dứt trừ loại của phẩm hạ hạ, duyên với tám thứ ràng buộc. Vì sao? Vì đều là một sự xoay vần sai khiến nhau.

Các thuyết v.v... như thế là lược nói về Tỳ-bà-sa. Người kiến đế đầy đủ là đệ tử Đức Thế tôn.

Hỏi: Nếu sắc chưa dứt trừ thì bị sắc trói buộc phải chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Nếu bị sắc trói buộc là do sắc chưa dứt trừ phải chăng?

Đáp: Đúng thế. Vì sao? Vì trước đã nói rằng: Nếu sắc đã dứt trừ, sẽ giải thoát tức thì. Nếu đã giải thoát thì sẽ dứt trừ tức thì. Nếu trước dứt, sau giải thoát thì không có việc này. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, sắc của năm địa không dứt, bị sắc trói buộc, chưa lìa dục của Sơ thiên. Sắc nơi bốn địa của A-na-hàm không dứt, bị sắc trói buộc, cho đến lìa dục của đệ Tam thiên.

A-na-hàm chưa lìa dục của đệ Tứ thiên, sắc của một địa không dứt trừ, bị sắc trói buộc. Đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ, nếu thọ không dứt trừ thì sẽ bị thọ trói buộc?

Đáp: Nếu bị thọ trói buộc, thọ đó không dứt trừ. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, do tu đạo của ba cõi dứt trừ. Thọ không dứt trừ sẽ bị thọ trói buộc, chưa lìa dục cõi Sơ thiên. Tám địa A-na-hàm, thọ không dứt trừ, sẽ bị thọ ràng buộc, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ. Một địa A-na-hàm, thọ không dứt, sẽ bị thọ trói buộc.

Hỏi: Có khi nào bị thọ trói buộc, thọ kia chẳng phải không dứt chăng?

Đáp: Có. Một chủng tử của Gia gia Tư-đà-hàm. Kiết thượng trung, chỗ dứt của tu đạo cõi Dục, thọ tương ứng với kiết kia, bị trói buộc do kiết phẩm hạ hạ. Nếu Gia gia dứt trừ ba thứ, hoặc dứt bốn thứ, như kiết kia dứt, thì kiết tương ứng với thọ cũng dứt. Thọ tương ứng kia bị hoặc năm hoặc sáu thứ kiết trói buộc. Tư-đà-hàm đã dứt sáu thứ kiết. Tư-đà-hàm đã dứt sáu thứ kiết, nếu kiết kia dứt thì thọ tương ứng cũng dứt. Thọ tương ứng kia bị ba thứ kiết trói buộc. Một chủng tử nếu dứt bảy thứ tám thứ kiết, như kiết kia dứt thì thọ tương ứng kia cũng dứt. Thọ tương ứng kia bị một thứ, hai thứ kiết trói buộc. Như thọ, tưởng, hành thức, nói cũng giống như thế.

Đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ, nếu sắc đã dứt trừ, thì sắc kia không trói buộc?

Đáp: Đúng vậy! Nếu sắc không ràng buộc thì sắc ấy có dứt trừ chăng? Đáp: Dứt trừ. Vì sao? Vì trước đã nói rằng: Nếu sắc đã dứt, thì

sẽ giải thoát tức thì. Nếu sắc đã được giải thoát, thì sẽ dứt tức thì. Nếu trước dứt, sau giải thoát, thì không có việc này. bậc Thánh lìa sắc ái, dứt trừ sắc của năm địa, sắc kia không trói buộc, lìa dục của ba thiền, chưa lìa dục của đệ Tứ thiền.

Sắc của bốn địa A-na-hàm đã dứt, sắc đó không trói buộc, cho đến chưa lìa dục của Sơ thiền.

Sắc một địa của A-na-hàm đã dứt, sắc kia không trói buộc. Đệ tử Đức Thế tôn kiến đế đầy đủ, nếu thọ đã dứt, thì thọ đó không trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu thọ không trói buộc, thì thọ kia đã dứt. Thọ, là chỗ dứt trừ của kiến đạo, tu đạo trong ba cõi của A-la-hán, đã dứt, không trói buộc, lìa dục của Vô sở hữu xứ. Kiến đạo của ba cõi nơi A-na-hàm đã dứt thọ, chỗ dứt của tu đạo nơi tám địa dứt cũng không trói buộc, cho đến chưa lìa dục của Sơ thiền. Thọ, chỗ dứt của tu đạo một địa, do kiến đạo dứt của ba cõi nơi A-na-hàm, dứt cũng không trói buộc. Thọ chỗ dứt của kiến đạo ba cõi của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, dứt cũng không trói buộc.

Có khi nào dứt chẳng phải không trói buộc chẳng?

Đáp: Có. Một chủng tử của Tư-đà-hàm Gia gia lệ thuộc cõi Dục, kiết phẩm thượng trung, chỗ dứt của tu đạo, dứt trừ kiết, chỗ dứt của tu đạo kia tương ứng với thọ, bị trói buộc do kiết phẩm hạ. Nếu Gia gia dứt trừ ba thứ, hoặc dứt trừ bốn thứ kiết, như kiết kia đã dứt, thì thọ cũng dứt, vì thọ tương ứng với kiết kia. Nếu bị năm thứ, hoặc sáu thứ kiết trói buộc, Tư-đà-hàm dứt sáu thứ kiết, như kiết kia dứt, thọ cũng dứt. Thọ tương ứng với kiết kia, bị ba thứ kiết trói buộc, một chủng tử, nếu dứt bảy thứ hoặc tám thứ kiết. Như kiết kia dứt, thì thọ cũng dứt. Vì thọ tương ứng với kiết đó, hoặc bị một thứ hoặc hai thứ kiết trói buộc.

Như thọ, tướng, hành, thức nói cũng giống như thế.

Hỏi: Tu-đà-hoàn, Gia gia, không gồm nhiếp Tu-đà-hoàn, dứt trừ kiết phẩm thượng thượng, thượng trung, bị bảy hoặc tám thứ kiết phẩm hạ trói buộc, trong đây, vì sao không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói, phải biết thuyết này chưa rõ ráo.

Lại nữa, đây là tướng hư hoại, bất định nên không nói. Nếu tướng không hư hoại, là tướng quyết định thì trong đây đã nói.

Hỏi: Như kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như thế. Như lìa kiết thượng thượng của Sơ thiền, là thuộc về tám thứ kiết, cho đến tám thứ kiết đã dứt, là lệ thuộc một thứ kiết, cho đến dứt kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ cũng giống như thế. Vì sao chỉ nói kiết cõi Dục mà không nói

kiết côi Sắc, côi Vô sắc?

Đáp: Lẽ ra phải nói nhưng không nói, nên biết thuyết này nêu bày chưa rõ ráo.

Lại nữa, đây là nói lên nghĩa ban đầu. Nếu nói côi Dục, nên biết là nói côi Sắc, côi Vô sắc cũng thế.

Lại nữa, vì khi kiết côi Dục đã dứt, sẽ sinh các thứ tên người.

Nếu dứt trừ ba thứ, bốn thứ, gọi là Gia gia. Nếu dứt trừ sáu thứ gọi là Tư-đà-hàm. Nếu dứt trừ bảy, tám thứ gọi là một chủng tử. Nếu lia kiết côi Sắc, côi Vô sắc, lại không có tên người khác như thế, do đó nên không nói.

Hỏi: Kiết phẩm hạ đã dứt cũng có thể như vậy. Như phiền não của phẩm hạ thượng đã dứt, vì bị kiết hạ trung, hạ hạ trói buộc.

Nếu kiết hạ thượng, hạ trung đã dứt, bị kiết hạ hạ trói buộc, vì sao chỉ nói thượng

trung, không nói hạ?

Đáp: Nên nói mà không nói, phải biết là thuyết này chưa rõ ráo.

Như kiết thượng thượng dứt, vì bị trói buộc do tám thứ kiết phẩm hạ. Nếu dứt hai thứ, thì bị bảy thứ trói buộc.

Cũng thế, mỗi thứ được dứt, đều bị phẩm hạ trói buộc, chỉ không thể mỗi mỗi trường hợp đều tạo văn, cho nên nói lược.

Gia gia là sự sai khác của Tư-đà-hoàn. Một chủng tử là sự sai khác của Tư-đà-hàm. Gia gia: Nếu ở hai nhà, hoặc ở ba nhà. Hai nhà nghĩa là dứt trừ bốn thứ kiết, kiết còn lại có hai, có chủng tử. Ba nhà, nghĩa là dứt trừ ba thứ kiết, số còn lại có ba, có chủng tử. Gia gia không có dứt trừ năm thứ kiết. Vì sao? Vì nếu có thể dứt trừ năm thứ, thì sẽ dứt kiết thứ sáu, được quả Tư-đà-hàm. Vì sao? Vì loại kiết thứ sáu, tánh yếu kém, không thể gây chướng ngại khó khăn cho quả Tư-đà-hàm. Cũng như một sợi chỉ khâu không thể chế ngự được voi. Sự dứt trừ kiết kia cũng giống như thế.

Một chủng tử dứt, hoặc bảy, hoặc tám thứ kiết, kiết còn lại có một chủng tử.

Hỏi: Số còn lại có hai thứ kiết tồn tại, vì sao lại nói một kiết có chủng tử?

Đáp: Không do một thứ kiết gọi là một chủng tử, vì có một kiết có chủng tử, nên gọi là một chủng tử.

Lại có thuyết nói: Không có hết bảy tám thứ kiết đều có một chủng tử. Vì sao? Vì nếu dứt tám thứ kiết, thì sẽ được lia chín thứ kiết côi Dục, không thể gây chướng ngại, khó khăn cho pháp lia dục.

Lại có thuyết nói: Có người dứt tám thứ kiết một chủng tử, không có thuyết nào nói dứt năm thứ Gia gia - Tư-đà-hoàn. Vì sao? Vì nếu dứt

trừ năm thứ, thì sẽ dứt trừ sáu thứ, được quả Tư-đà-hàm. Loại kiết thứ sáu, tánh yếu kém, nên không thể gây chướng ngại, khó khăn cho quả Tư-đà-hàm.

Hỏi: Loại kiết thứ chín, cũng là tánh yếu kém, nên không thể gây chướng ngại, khó khăn. Nếu một chủng tử có thể dứt trừ loại thứ tám, thì cũng có thể dứt trừ loại thứ chín mà được lìa dục?

Đáp: Gia gia, Tu-đà-hoàn, nếu dứt trừ sáu thứ kiết, cũng sinh trong cõi Dục, quyết định nghiệp hiện có đã thành thực, ứng hợp với cõi Dục mà thọ báo, không thể gây chướng ngại, khó khăn cho quả Tư-đà-hàm.

Một chủng tử dứt chín thứ kiết, lại không có phần sinh cõi Dục, tất cả nghiệp quyết định đã thành thực, nên ở cõi Dục thọ báo, có thể gây chướng ngại khó khăn không được lìa dục. Có người nói rằng: Chúng sinh có ba thời gian mà nghiệp phiền não có thể gây ra chướng ngại, hết sức khó khăn:

1. Thời gian Đảnh hưởng về Nhẫn.
2. Thời gian bậc Thánh lìa dục cõi Dục.
3. Thời gian được quả A-la-hán.

Thời gian Đảnh hưởng đến Nhẫn: Nghĩa là nghiệp quyết định của các đường ác là rất chướng ngại, khó khăn. Nếu người khởi nhẫn: Chúng ta ở trong thân ai mà thọ báo?

Thời gian bậc Thánh lìa dục cõi Dục: Nghĩa là các nghiệp quyết định cõi Dục phải chịu báo, gây ra nhiều chướng ngại, khó khăn. Nếu là người lìa dục sẽ nói: Chúng ta ở trong thân ai để chịu báo? Thời gian chứng đắc quả A-la-hán: Nghiệp quyết định phải thọ hữu ở vị lai, rất làm chướng ngại, khó khăn. Nếu chứng đắc quả A-la-hán, chúng ta ở trong thân ai mà chịu báo? Cho nên, có khi dứt trừ tám thứ kiết, là một chủng tử, tức không dứt trừ năm thứ, là Tu-đà-hoàn, gia gia. Gia gia có hai thứ:

1. Gia gia trong loài người.
2. Gia gia trong loài trời.

Gia gia trong loài trời: Sinh trên cõi trời, hai đời, hoặc ba đời, trong một cõi trời, hoặc trong hai cõi trời, hoặc trong ba cõi trời.

Hoặc trong một cõi trời, một nhà, hai nhà, ba nhà.

Gia gia trong loài người: Hoặc hai đời, phần của ba đời. Hoặc một thiên hạ, hoặc hai thiên hạ, hoặc ba thiên hạ. Nếu một thiên hạ, thì hoặc một nhà, hai nhà, ba nhà. Sinh một chủng tử: một chủng tử trong cõi trời. Trong cõi trời có phần của một đời. Một chủng tử trong cõi người,

nghĩa là trong cõi người có một phần sinh.

Vì ba việc, nên gọi là Gia gia:

1. Do nghiệp.
2. Do căn.
3. Do dứt trừ kiết.

Do nghiệp: Hoặc gây ra nghiệp báo trong hai đời, hoặc gây ra nghiệp báo trong ba đời.

Do căn: Vì được căn vô lậu.

Doan trừ kiết: Nếu dứt ba thứ, hoặc dứt bốn thứ kiết.

Đối với ba việc này nếu không có bất cứ một việc nào thì, không gọi là gia gia.

Vì ba việc, nên gọi là một chủng tử.

1. Do nghiệp.
2. Do căn.
3. Do dứt trừ kiết.

Do nghiệp: Gây ra nghiệp báo của một đời.

Do căn: Vì được căn vô lậu.

Do dứt trừ kiết: Nếu dứt bảy thứ, hoặc dứt tám thứ kiết. Đối với ba việc này nếu không đủ thì không gọi là một chủng tử.

Hỏi: Bậc Thánh ở cõi Dục, có thọ thân, gây ra nghiệp không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không gây ra nghiệp. Vì sao? Vì cõi Dục có nhiều lỗi lầm. Dù không tạo nghiệp thọ thân, nhưng vẫn tạo ra mãi nghiệp thọ thân.

Hỏi: Nếu bậc Thánh không tạo nghiệp thọ thân cõi Dục, thì điều này làm sao hiểu được? Như nói: Bấy giờ, Đức Thế tôn khen ngợi nói về việc của thời kỳ Đức Di Lặc thành Phật, trong chúng hội có người Hữu học chưa lìa dục, nghe Đức Thế tôn nói lời này rồi, đều cùng nhau lập nguyện: Khiến cho con được nghe thấy việc tốt đẹp ấy rồi, sau đó mới vào Niết-bàn?

Đáp: Trong thời gian rất ngắn ngủi ấy, đối với vật cần dùng, không thiếu thốn một thứ gì, không bị đau khổ ép ngặt nên có điều cầu nguyện. Nếu bị đau khổ ép ngặt, thì đối với tất cả xứ sinh, không còn nguyện cầu. Nếu ta có thể như chim bay trong hư không, tức là ngày hôm nay nhập Niết-bàn. Nếu nói rằng: Bậc Thánh không tạo nghiệp thọ thân cõi Dục, nghĩa là người kia nói rằng: Gia gia kia, nếu hai đời, ba đời gây ra nghiệp, thì khi ở phàm phu. Nếu dứt trừ ba thứ, bốn thứ kiết, hoặc lúc phàm phu dứt, hoặc khi bậc Thánh dứt một chủng tử, có phần nghiệp của một đời, cũng là lúc phàm phu gây ra nghiệp. Nếu

người kia đã dứt trừ bảy thứ, tám thứ kiết, hoặc khi phạm phu dứt, hoặc lúc bậc Thánh dứt.

Lại có thuyết nói: bậc Thánh trụ cõi Dục với xứ thọ thân, gây ra nghiệp, nghiệp do bậc Thánh gây ra là nghiệp thanh tịnh, tốt đẹp, không có các khổ hoạn, thuận theo pháp thiện.

Nếu nói rằng: Bậc Thánh ở tại cõi Dục với xứ thọ thân, gây ra nghiệp: Tu-đà-hoàn gia gia tạo ra hai đời, hoặc ba đời, thì sẽ thọ nghiệp báo. Nghiệp này hoặc khi phạm phu tạo, hoặc có khi bậc Thánh tạo. Nếu dứt trừ ba, hoặc bốn thứ kiết, hoặc lúc phạm phu dứt trừ, hoặc khi bậc Thánh dứt trừ. Một chủng tử tạo ra một đời, thì phải thọ nghiệp báo. Nghiệp này đôi khi phạm phu tạo, đôi khi bậc Thánh tạo. Nếu dứt trừ bảy, hoặc tám thứ kiết, có lúc phạm phu dứt trừ, có khi bậc Thánh dứt trừ.

Hỏi: Nếu trong cõi người được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, lúc qua đời sinh lên các tầng trời cõi Dục, được quả A-na-hàm. Người đó sau khi qua đời, có được sinh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc không? Nếu được sinh, thì Kinh tạng Nhất nói làm sao hiểu? Như nói: Có năm người, chủng tử trong khoảng này, rốt ráo trong khoảng này. Năm người đó là:

1. Người thọ nhận bảy Hữu.
2. Người gia gia.
3. Người Tư-đà-hàm.
4. Người một chủng tử.
5. Người hiện pháp nhập Niết-bàn.

Chủng tử trong khoảng này: Trong ấy được chánh quyết định. Rốt ráo trong khoảng này: Trong đây dứt hết lậu.

Lại có năm người, chủng tử trong đây, rốt ráo trong kia:

1. Trung nhập Niết-bàn.
2. Sinh nhập Niết-bàn.
3. Hữu hành nhập Niết-bàn.
4. Vô hành nhập Niết-bàn.
5. Thượng lưu nhập Niết-bàn.

Chủng tử trong đây: Là trong đây được chánh quyết định. Rốt ráo trong kia: Là trong kia được dứt hết lậu.

Nếu bất sinh thì như Kinh Đế-thích Sở Vấn nói làm sao hiểu được? Như kệ nói:

*Nếu biết được pháp này  
Cùng sinh lên Phạm thế*

*Vượt hơn trong các Phạm  
Oai đức ở trước hết.*

Ngay như kinh này nói, làm sao hiểu được? Như Đế-thích bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như chánh hạnh mà con đã thực hành, nếu có người vì con giảng thích lại, thì con sẽ được quả A-la-hán của đạo thẳng tiến, có thể dứt hết bờ mé khổ. Chánh hạnh mà con đã thực hành, nếu không có người vì con giảng nói, thì con quyết sẽ sinh lên tầng trời Ma-nậu-ma với sắc tốt đẹp kia, các căn đầy đủ, không có thiếu sót, cũng không thấp kém, xấu xí, có sắc thanh tịnh, dùng lạc thọ làm thức ăn, thân phát ra ánh sáng, bay đi trong hư không, mạng sống dài xa, ở đó qua đời sẽ sinh trong cõi trời như thế?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như bậc Thánh này không sinh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu vậy với Kinh tạng Nhất thì khéo hiểu, như nói: Có năm hạng người: Chủng tử trong đây, rễ ráo trong đây, nhưng với Kinh Đế-thích Sở Vấn làm sao hiểu? Như kệ nói: Nếu biết được pháp này... cho đến nói rộng?

Đáp: Các thuyết này nói, không nói chết, cũng không nói sinh, làm sao biết được điều đó? Nghe nói Thích nữ Cù-Di nói: Có ba vị Tỳ-kheo thường vào nhà nàng, dùng âm thanh thanh tịnh, vì nàng đọc kệ chúc tụng, cũng thường giảng nói pháp yếu cho nàng nghe. Bấy giờ, Cù-Di vì được nghe pháp, nên tâm sinh hân hoan, ưa thích, nhằm chán thân nữ, mong muốn được làm thân nam. Sau khi qua đời, nàng được sinh lên tầng trời Ba mươi ba, làm con của Đế-thích.

Lúc ấy, chư Thiên ở cõi trời đó liền đặt tự cho nàng, là Thiên tử Cù-Di.

Ba vị Tỳ-kheo kia vì tự ưa thích âm thanh của mình, nên bị đọa vào loài Kiên-thất-bà, là chốn thấp hèn. Kiên-thất-bà là thần trở nhạc của chư Thiên. Buổi sáng, buổi chiều, thường vì chư Thiên trở nhạc.

Khi đó, thiên tử Cù-Di vừa thấy các nhạc thần liền nhận biết ngay, nói với họ: Tôi nhờ các ông nên sinh tâm tin ưa, nhằm chán thân nữ, mong thành thân nam, sau khi qua đời, nay được sinh ở cõi này, làm con Đế-thích. Các ông tịnh tu phạm hạnh vô thượng, vì sao lại sinh trong loài Kiên-thất-bà thấp kém này?

Nghe Thiên tử nói vậy, Kiên-thất-bà tâm sinh nhằm chán, là được ái dục. Hai người dùng sức thần tức đến trong cõi Phạm thiên, một người vẫn trụ ở đây. Do việc này, nên biết được họ không chết, cũng lại không sinh.



---

Lại có thuyết nói: Hai người kia chết trong cõi ấy, sinh trong cõi kia, vốn ở trong cõi người, đã đạt được phần căn thiện, nghe Thiên tử Cù-Di nói, tâm cảm thấy nhàm chán, được chánh quyết định. Về sau, ly khai ái dục, chứng quả A-na-hàm, qua đời, sinh lên cõi Phạm thế.

Dù chết hay sinh, nhưng chẳng phải vốn ở trong cõi người được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm.

Hỏi: Nếu vậy Kinh Đế-thích Sở Vấn quyển 2 nói làm sao hiểu được? Như nói: Con đã hành chánh hạnh... cho đến nói rộng?

Đáp: Dù Đế-thích sẽ được đạo quả, nhưng vì ông ta không biết nghĩa tướng của A-tỳ-đàm, nên mới nói như thế.

Hỏi:... Liên ở trước Phật nói như thế: Vì sao Phật không quả trách họ?

Đáp: Phật biết lời nói này không thể gây chướng ngại cho đạo, về sau khi nhập pháp, tự họ sẽ biết ngay.

Lại có thuyết nói: Như bậc Thánh ấy sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu vậy, kinh Đế-thích Sở Vấn là khéo hiểu, còn kinh Tăng Nhất làm sao hiểu được?

Đáp: bậc Thánh không nhất định, hoặc có chuyển hành, hoặc không chuyển hành. Nếu chuyển hành, thì như Kinh Đế-thích Sở Vấn đã nói. Nếu không chuyển hành thì như kinh Tăng Nhất đã nói. Vậy thì cả hai kinh đều hiểu được.

Lời bình: Như bậc Thánh này thì không sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vì sao? Vì bậc Thánh qua đời sẽ có ba việc:

1. Không lui sụt.
2. Không chuyển căn.
3. Không sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Vì sao? Vì Thánh đạo ở trong thân phàm phu kia là chỗ ở lâu.

